TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT & KINH DOANH VTTB – VVMI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số :0004/ CBTT - HĐQT V/v CBTT báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024	*Hà nội, ngày 21 tháng 01 năm 2025*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước,
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.**
2. Mã chứng khoán: TB8
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 12 thị trấn Đông Anh-Huyện Đông Anh-Thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại: 043 8833247
5. Fax: 0243 9689871
6. Người thực hiện công bố thông tin: ***Phạm Đức Khiêm***
   Chức vụ: Giám đốc Công ty.
7. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024;
8. Địa chỉ trang Website đăng tải Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024 của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI: http://www.vttbvietbac-vvmi.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

1.Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT, HĐQT(Ch.2)

2.Tài liệu đính kèm:
- Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024(Phụ lục 4; 5).

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ VVMI
M.S.D.N: 0101654047 - C.T.C.P - H.ĐÔNG ANH - TP.HÀ NỘI

Phạm Đức Khiêm

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
Ký ngày: 20/3/2025 14:24:40

PHỤ LỤC SỐ 05

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VTTB - VVMI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 0006 /BC - HĐQT	*Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2025*

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Năm 2024)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

-Tên công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 12 Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội

- Điện thoại: *0243 8833247* Fax: 0243 9689871 Email:

- Vốn điều lệ: 12 500 000 000

- Mã chứng khoán: ***TB8***

- Mô hình quản trị công ty:

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Stt.	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	0065/NQ - ĐHĐCĐ	16/04/2024	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

II. Hội đồng quản trị:

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ(thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm

1	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	- 08/09/2023(bổ nhiệm lần đầu)	
2	Phạm Đức Khiêm	TV	- 01/04/2012(bổ nhiệm lần đầu) - 19/03/2020(bổ nhiệm lại)	
3	Ngô Minh Vinh	TV	- 31/03/2009(bổ nhiệm lần đầu) - 19/03/2020(bổ nhiệm lại)	

2. Các cuộc họp HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Văn Dũng	16/16	100%	
2	Phạm Đức Khiêm	16/16	100%	
3	Ngô Minh Vinh	16/16	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Bộ máy điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quyết định ban hành, ý kiến chỉ đạo của HĐQT đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.

Triển khai thực hiện kế hoạch của Tổng công ty giao, Công ty lập và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các bộ phận trong Công ty theo tháng, quý làm căn cứ cho các bộ phận tổ chức thực hiện. Căn cứ vào kế hoạch đã giao hàng tháng, quý Công ty tổ chức nghiệm thu kiểm điểm rà soát lại các chỉ tiêu thực hiện của các bộ phận làm rõ trách nhiệm quản lý, điều hành và điều chỉnh kế hoạch, đưa ra biện pháp thực hiện cho thời gian tiếp theo nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

Phát huy được hiệu quả của thiết bị, dây chuyền công nghệ sản xuất an toàn tạo nên sự đồng bộ, phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị với nhau. Quán triệt tư tưởng chỉ đạo: Hoàn thành kế hoạch sản lượng phải đi đôi với hiệu quả kinh tế, an toàn cho người và thiết bị.

Xây dựng cơ chế quản lý, điều hành bình đẳng giữa các tổ đội, phát suy sức mạnh tổng hợp của các đơn vị, cá nhân phấn đấu vì mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ chung của Công ty.

Vật tư mua vào phải đảm bảo chất lượng theo giá hợp lý và được quản lý theo dõi chặt chẽ từ khâu mua đến khâu nhập kho, cấp phát cho từng đơn vị.

Công tác tài chính của Công ty lành mạnh, các nguồn vốn được sử dụng linh hoạt hiệu quả, không có các khoản nợ xấu.

Công ty bố trí sử dụng lao động hợp lý, tăng cường chất lượng lao động công nghệ, tăng năng suất lao động, xây dựng các chính sách khuyến khích tiền lương cho người lao động góp phần vào việc phát triển nguồn nhân lực cho những năm tiếp theo.

Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, chỉ đạo tốt các đơn vị, người lao động trong Công ty sản xuất hiệu quả, đảm bảo phát triển Công ty ổn định, bền vững, giao cho Công đoàn, đoàn thanh niên phát động phong trào văn hóa, thể thao, chăm lo chu đác đời sống cho người lao động.

Ban giám đốc đã cố gắng nỗ lực trong điều hành để thực hiện sự chỉ đạo của HĐQT Công ty, kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty đạt được với một số chỉ tiêu chính sau.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết năm 2024	Thực hiện	Tỷ lệ % TH/KH
I	**Hiện vật chủ yếu**				
1	SX,Tiêu thụ vỏ bao xi măng KPK	Vỏ	12 800 000	14 390 500	113
2	SX, Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò	M^2	1 550 000	2 243 813	145
3	SX, Tiêu thụ Lưới dập giãn	Kg	1 200 000	1 018 635	85
4	SX, Tiêu thụ Gông lò	Bộ	500 000	203 403	41
5	Sản xuất Kéo thép	Tấn	2 844	3 770	133
6	Tiêu thụ vỏ bao Jumbo 1 tấn	Cái	80 000	226 600	283
II	**Tổng doanh thu:**	**Tr.đ**	**271 423**	**353 149**	**130**
III	**Đầu tư xây dựng cơ bản**	**Tr.đ**	**300**	**0**	**0**
IV	**Khấu hao TSCĐ**	**Tr.đ**	**1 364**	**2 376**	**174**
V	**Nộp ngân sách nhà nước**	**Tr.đ**	**2 650**	**5 369**	**203**
VI	**Lao động và thu nhập**				
1	Lao động bình quân năm	Người	138	134	97
2	Tiền lương bình quân 1CNV	Đg/ng/thg	10 390 250	15 786 425	152
VII	**Lợi nhuận trước thuế**	**Tr.đồng**	**2 500**	**3 900**	**156**

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	04	06/01/2024	NQ thông qua chủ trương và phương án nhân sự BN lại TP KDII	3/3
2	10	10/01/2024	NQ BN lại TP KDII	3/3
3	15	01/02/2024	NQ thông qua kết quả TH quý 4, năm 2023 và triển khai nhiệm vụ quý I, năm 2024.	3/3
4	16	01/02/2024	Giao KHSXKD quý I/2024	
5	17	01/02/2024	NQ Phê duyệt nội dung Quy chế quản lý cán bộ	3/3
6	18	01/02/2024	QĐ Ban hành Quy chế quản lý cán bộ	
7	20	01/02/2024	NQ phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2023	3/3
8	21	01/02/2024	QĐ phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2023	
9	25	22/02/2024	NQ – Tổ chức ĐHĐCĐ TN năm 2024; Hủy DS NSHCK đã chốt ngày 16/02/2024	3/3
10	34	06/03/2024	NQ tạm giao đơn giá tiền lương năm 2024	3/3
11	35	06/03/2024	QĐ tạm giao đơn giá tiền lương năm 2024	
12	45	25/03/2024	NQ Trích DP TLg năm 2023	3/3
13	46	25/03/2024	QĐ trích DP tiền lương năm 2023	
14	50	30/03/224	QĐ chi TƯ thù lao 3 tháng đầu năm 2024 cho TV HĐQT, TV BKS không hưởng lương tại Công ty	
15	51	30/03/224	QĐ chuyển TƯ thù lao 3 tháng đầu 2024 cho TV HĐQT, TV BKS không hưởng lương tại Công ty	
16	52	30/03/224	QĐ chi TƯ thù lao 3 tháng đầu năm 2024 cho TV HĐQT, TV BKS hưởng lương tại Công ty	

17	62	12/04/2024	QĐ Thành lập BKTTC CĐ, ĐB dự ĐHĐCĐ TN năm 2024	
18	65	16/04/2024	NQ-ĐHĐCĐTN năm 2024	3/3
19	70	19/04/2024	QĐ phê duyệt QTTC và PPLN sau thuế năm 2023	
20	71	19/04/2024	QĐ chi quyết toán thù lao năm 2023 cho TV HĐQT, BKS không chuyên trách.	
21	72	19/04/2024	QĐ chuyển QT thù lac năm 2023 cho TV HĐQT, TV BKS không hưởng lương tại Công ty	
22	73	19/04/2024	QĐ chi quyết toán thù lao năm 2023 cho TV HĐQT, BKS chuyên trách.	
23	77	24/04/2024	NQ phê duyệt KHSD quỹ KT,PL năm 2024; Quỹ thưởng VCQL năm 2023	3/3
24	78	24/04/2024	QĐ phê duyệt KHSD quỹ KT,PL năm 2024; Quỹ thưởng VCQL năm 2023	
25	83	06/05/2024	NQ thông qua KQ SXKD quý I/024, triển khai nhiệm vụ năm 2024 và quý II/2024	3/3
26	84	06/05/2024	QĐ giao kế hoạch SXKD năm 2024	
27	85	06/05/2024	QĐ giao kế hoạch SXKD quý II/2024	
28	89	18/05/2024	QĐ Chi trả cổ tức năm 2023 cho các CĐ	
29	94	17/06/2024	NQ thông qua nội dung: Quy chế quản lý công tác vật tư; Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động; Dự toán và LCNCC gói Dv Kiểm toán	3/3
30	95	17/06/2024	QĐ ban hành Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động	
31	96	17/06/2024	QĐ ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư	
32	97	20/06/2024	QĐ chi tạm ứng thù lao quý II năm 2024 cho TV HĐQT, TV BKS không hưởng lương tại Công ty	
33	98	20/06/2024	QĐ chuyển tiền tạm ứng thù lao quý II năm 2024 cho TV HĐQT, TV BKS không hưởng lương tại Công ty	
34	99	20/06/2024	QĐ chi trả tạm ứng thù lao quý II năm 2023 cho TV HĐQT, TV BKS hưởng lương tại Công ty	
35	106	29/7/2024	BB-HĐQT: Xét ND 02 quy chế: Thực hiện DC ở cơ sở; HĐ của mạng lưới AT VSV	
36	107	29/7/2024	NQ- HĐQT: Thông qua ND 02 quy chế: Thực hiện DC ở cơ sở; HĐ của mạng lưới AT VSV	3/3
37	108	29/7/2024	QĐ-HĐQT: Ban hành QC HĐ của mạng lưới AT VSV	
38	109	29/7/2024	QĐ-HĐQT: Ban hành QC thực hiện DC ở cơ sở tại nơi làm việc	
39	110	29/7/2024	BB-HĐQT thông qua KQ SXKD Quý II, 6 tháng/2024; Giao NV Quý III/2024; Thông qua QHCD TP, QĐ GĐ 20-25 và 25-30	
40	111	29/7/2024	NQ- Thông qua KQ SXKD Quý II, 6 tháng/2024; Giao NV Quý III/2024; Thông qua QHCD TP, QĐ GĐ 20-25 và 25-30	
41	112	29/7/2024	NQ- Thông qua QHCD TP, QĐ GĐ 20-25 và 25-30	
42	113	29/7/2024	QĐ giao NV SXKD quý III/2024	
43	126	21/09/2024	QĐ chi tạm ứng thù lao quý III năm 2024 cho TV	

			HĐQT, TV BKS không hưởng lương tại Công ty	
44	127	21/09/2024	QĐ chuyển tiền tạm ứng thù lao quý III năm 2024 cho TV HĐQT, TV BKS không hưởng lương tại Công ty	
45	128	21/09/2024	QĐ chi trả tạm ứng thù lao quý III năm 2023 cho TV HĐQT, TV BKS hưởng lương tại Công ty	
46	129	30/09/2024	BB - Họp HĐQT thông qua phương án vay vốn phúc vụ SXKD năm 2024 tại các TCTD	
47	130	30/09/2024	NQ-HĐQT: Ủy quyền cho GĐ ký HĐ vay phục vụ SXKD năm 2024 tại NH Công thương VN- CN Đông Anh	
48	131	30/09/2024	QĐ-HĐQT: Ủy quyền cho GĐ ký HĐ vay phục vụ SXKD năm 2024 tại NH CP QĐ - CN Đông Anh	
49	132	09/10/2024	BB thông qua KQ SXKD quý 3, 9 tháng/2024; KHSXKD quý 4/2024	
50	133	09/10/2024	NQ- HĐQT: Thông qua kết quả SXKD quý 3, 9 tháng/2024; KH SXKD quý 4/2024	
51	134	09/10/2024	QĐ- HĐQT: Giao nhiệm vụ SXKD quý 4/2024	
52	141	13/11/2024	BB-HĐQT: Xét ND Phụ lục 4A - Quy trình BN, BN lại ng QL; Hệ thống tháng, bảng lương, CĐ PC lương	
53	142	13/11/2024	NQ-HĐQT: Thông qua ND Phụ lục 4A - Quy trình BN, BN lại ng QL; Hệ thống tháng, bảng lương, CĐ PC lương	
54	143	13/11/2024	QĐ-HĐQT: Ban hành Hệ thống tháng, bảng lương, CĐ PC lương	
55	144	13/11/2024	QĐ-HĐQT: Ban hành QC QL Cán bộ sửa đổi	
56	145	13/11/2024	QĐ-HĐQT: Chuyển xếp lương cho VCQL Cty	
57	149	26/12/2024	QĐ chi tạm ứng thù lao quý III năm 2024 cho TV HĐQT, TV BKS không hưởng lương tại Công ty	
58	150	26/12/2024	QĐ chuyển tiền tạm ứng thù lao quý III năm 2024 cho TV HĐQT, TV BKS không hưởng lương tại Công ty	
59	151	26/12/2024	QĐ chi trả tạm ứng thù lao quý III năm 2023 cho TV HĐQT, TV BKS hưởng lương tại Công ty	

III. Ban kiểm soát:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Trần Thu Hương	TB kiểm soát	- 19/03/2020(bắt đầu là TV BKS)	Thạc sĩ kinh tế
2	Phạm Thị Thúy Nga	TV	- 05/04/2017(bắt đầu là TV BKS)	Cử nhân kinh tế
3	Tô Toàn Thắng	TV	- 03/2012(bắt đầu là TV BKS)	Cử nhân kinh tế ngành kế toán doanh nghiệp

2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do tham gia, không tham dự họp

1	Trần Thu Hương	TB kiểm soát	4/4	100%	
2	Phạm Thị Thúy Nga	TV	4/4	100%	
3	Tô Toàn Thắng	TV	4/4	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT nhằm đảm bảo tính minh bạch và nắm bắt kịp thời tình hình HĐ SXKD của Công ty. Hoạt động của HĐQT tuân thủ Điều lệ, Quy chế quản trị và các quy định có liên quan. Ban điều hành đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, Quyết định của HĐQT

- Giám sát việc chấp hành và thực hiện các quy định pháp luật, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị.

- Thực hiện kiểm tra, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tài chính hàng quý, năm 2024.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)

IV: Ban điều hành:

TT	Thành viên ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm
1	Ông; Phạm Đức Khiêm - Giám đốc	08/05/1968	Kỹ sư khái thác mỏ	01/4/2021(bổ nhiệm lại)
2	Ông : Ngô Minh Vinh - P. Giám đốc	20/11/1964	Kỹ sư cơ điện mỏ	20/7/2020(bổ nhiệm lại)
3	Ông: Vương Khắc Tuấn	01/01/1981	Cử nhân kinh tế	16/8/2022(bổ nhiệm lần đầu)

V. Kế toán trưởng:

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm
Bùi Phương Anh	09/03/1977	Cử nhân kinh tế	01/01/2024(bổ nhiệm lại)

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty. Không

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty.

1. Danh sách về người có liên quan của công ty;

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
I	Cá nhân								

1	Nguyễn Văn Dũng		Chủ tịch HĐQT	024066013616	Tổ 3, Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	8/9/2023			Người nội bộ
2	Phạm Đức Khiêm	020C006938	Thành viên HĐQT, Giám đốc	001068004275	Thôn Lực Canh-Xuân Canh-Đông Anh-Hà Nội	01/4/2012			Người nội bộ; Cổ đông lớn
3	Ngô Minh Vinh	020C004988		001064025600	Xã Vân Hà Huyện Đông anh TP Hà Nội	31/03/2009			Người nội bộ
4	Vương Khắc Tuấn		Phó Giám đốc	00108101977	Thôn lại đà xã Đông Hội - Dông Anh - Hà Nội	16/08/2022			Người nội bộ
5	Trần Thu Hương		Trưởng BKS	010175000012	Số 4/30 Ngõ 194 Đội cấn, Ba đình, Hà nội	19/03/2020			Người nội bộ
6	Phạm Thị Thuý Nga		Thành viên BKS	024173003131	Cum I, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội	5/4/2017			Người nội bộ
7	Tô Toàn Thắng	020C005971	Thành viên BKS	019075000144	Tổ 21, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP Hà Nội	03/2012			Người nội bộ
8	Bùi Phương Anh	020C004938	KTT Công ty	011873118	Tổ 11 Thị trấn Đông Anh – TP Hà Nội	1/1/2019			Người nội bộ
9	Lê Thị Kim Chi	020C004980	NQT, Thư ký	001174016835	Tổ 3 P.Trưng Trắc TP Phúc Yên Tỉnh Vĩnh Phúc	01/05/2017			Người nội bộ
II	**Tổ chức**								
1	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV CTCP			0100100015	Số 1 Phan Đình Giót Phương Phương Liệt Quận Thanh Xuân TP Hà Nội				Cổ đông góp vốn
2	Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam TKV			5700100256	Số 3 Dương đình nghệ, Yên hoà Cầu giấy, TP Hà nội				Người có liên quan của Công ty Mẹ
3	Công ty cổ phần xi măng Quán triều - VVMI			4600409377	Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên				Công ty con của Công ty Mẹ
4	Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI			5000280116	Xóm 5 Xã Tràng Đà Thành Phố Tuyên Quang				Công ty con của Công ty Mẹ
5	Công ty Cổ phần Cơ khí Mỏ Việt			4600432062	Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái				Công ty con của Công ty

	Bắc - VVMI				Nguyên				Mẹ
6	Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI			0102274810	Huyện Gia Lâm Thành Phố Hà Nội				Công ty con của Công ty Mẹ
7	Công ty cổ phần Khách sạn Thái nguyên VVMI			4600422402	Thành Phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái nguyên				Công ty con của Công ty Mẹ
8	Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp - VVMI			4900243394	Tân Mỹ, Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn				Công ty con của Công ty Mẹ
9	Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI			4600422240	Huyện Võ Nhai Tỉnh Thái Nguyên				Công ty con của Công ty Mẹ
10	Công ty Than Khánh Hòa - VVMI			0100100015-024	Sơn Cẩm Phú Lương Thái Nguyên				Công ty con của Công ty Mẹ
11	Công ty Than Na Dương - VVMI			0100100015-017	Huyện Lộc Bình Tỉnh Lạng Sơn				Công ty con của Công ty Mẹ
12	Công ty Than Núi Hồng VVMI			0100100015-001	Huyện Đại Từ Tỉnh Thái Nguyên				Công ty con của Công ty Mẹ
13	Trung tâm điều dưỡng ngành than - VVMI			0100100015-025	TP Sầm Sơn Tỉnh Thanh Hoá				Công ty con của Công ty Mẹ

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty CP Xi măng La Hiên - VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty	4600422240	Xóm cây Bòng - La Hiên - Võ Nhai - Thái Nguyên	Năm 2024	Nghị quyết số 65 ngày 16/4/2024	35.637.203.500	Bán vỏ bao xi măng
2	Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty	5000280116	Xóm 5, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Năm 2024	Nghị quyết số 65 ngày 16/4/2024	25.249.970.000	Bán vỏ bao xi măng
3	CN Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam - Công ty Than Mạo Khê -	Công ty trong cùng tập đoàn	5700100256-030	Khu Dân Chủ - Phường Mạo Khê - Thị xã Đông Triều - Tỉnh	Năm 2024		22.354.326.414	Bán gông lò và lưới thép

	TKV			Quảng Ninh				
4	CN Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam - Công ty Than Thống Nhất - TKV	Công ty trong cùng tập đoàn	5700100256-031	Số 1, đường Lê Thanh Nghị - phường Cẩm Đông - thành phố Cẩm Phả - tỉnh Quảng Ninh - Việt Nam	Năm 2024		29.154.101.462	Bán vật tư và lưới thép
5	CN Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam - Công ty Than Dương Huy - TKV	Công ty trong cùng tập đoàn	5700100256-032	Tổ 5, khu phố Trần Hưng Đạo,Phường Cẩm Thạch - thành phố Cẩm Phả - tỉnh Quảng Ninh	Năm 2024		81.725.041.360	Bán vật tư và lưới thép
6	CN Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam - Công ty Than Khe Chàm - TKV	Công ty trong cùng tập đoàn	5700100256-060	Khu 6 - Phường Mông Dương - Thành phố Cẩm Phả - tỉnh Quảng Ninh	Năm 2024		19.700.067.000	Bán vật tư, gông lò và lưới thép
7	CN Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam - Công ty Than Hạ Long - TKV	Công ty trong cùng tập đoàn	5700100256-062	Khu Diêm Thủy - Phường Cẩm Đông - Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh	Năm 2024		10.486.142.000	Bán vật tư, gông lò và lưới thép
8	CN Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam - Công ty Than Hòn Gai - TKV	Công ty trong cùng tập đoàn	5700100256-063	Số 169 - Lê Thánh Tông - Phường Hồng Gai - Thành phố Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh	Năm 2024		13.134.391.200	Bán lưới thép
9	CN Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam - Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV	Công ty trong cùng tập đoàn	5700100256-066	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông	Năm 2024		35.911.850.000	Bán vỏ bao Jumbo và vỏ bao Alumin
10	CN Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam - Công ty Xây lắp mỏ - TKV	Công ty trong cùng tập đoàn	5700100256-067	Số 804, khu 7B - Phường Cẩm Phú - thành phố Cẩm Phả - tỉnh Quảng	Năm 2024		568.740.000	Bán gông lò

				Ninh				
11	Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin	Công ty trong cùng tập đoàn	5700101203	Phường Mông Dương - thành phố Cẩm Phả - tỉnh Quảng Ninh	Năm 2024		27.281.794.560	Bán vật tư, gông lò, lưới thép và tấm chèn
12	Công ty CP Than Núi Béo - Vinacomin	Công ty trong cùng tập đoàn	5700101700	Số 799 - Lê Thánh Tông - phường Bạch Đằng - thành phố Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh	Năm 2024		13.397.936.500	Bán gông lò, lưới thép và tấm chèn
13	Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin	Công ty trong cùng tập đoàn	5700101877	Số 969 - đường Bạch Đằng - Phường Quang Trung - Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh	Năm 2024		9.910.502.800	Bán vật tư, gông lò và lưới thép
14	Công ty CP Than Hà Lầm - Vinacomin	Công ty trong cùng tập đoàn	5700101637	Số 1, Phố Tân Lập, phường Hà Lầm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Năm 2024		2.562.733.800	Bán lưới thép
15	CN Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam - Công ty Than Quang Hanh - TKV	Công ty trong cùng tập đoàn	5700100256-059	Số 302, đường Trần Phú - Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh	Năm 2024		6.374.426.080	Bán lưới thép
16	Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều - VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty	4600409377	Xã An Khánh - huyện Đại Từ - tỉnh Thái Nguyên	Năm 2024		375.000.000	Bán vỏ bao Jumbo
17	Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Công ty trong cùng Tổng công ty	0100100015	Số 1 Phan Đình Giót - Phương Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội	Năm 2024		311.400.000	Chi phí thuê tài sản
18	Trung tâm Điều	Công ty	0100100015-025	41 đường Thanh Niên	Năm 2024		448.214.600	Chi phí nghỉ

	dưỡng ngành Than - VVMI	trong cùng Tổng công ty		- P Bắc Sơn - TP Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa				mát
19	Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin	Công ty trong cùng tập đoàn	0100100632	565 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh xuân Nam, Quận Thanh xuân , Thành phố Hà nội	Năm 2024		3.780.000	Chi phí kiểm định gông lò
20	Công ty CP Cơ khí Mỏ Việt Bắc - VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty	4600432062	Đại từ - Thái Nguyên	Năm 2024		95.880.000	Chi phí sửa chữa
21	Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty	5000280116	Xóm 5, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Năm 2024		3.703.704	Chi phí mua hồ sơ thầu
22	Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn	5701740890	Số 8 Chu Văn An - P Hồng Hải - TP Hạ Long - Quảng Ninh	Năm 2024		16.440.000	Chi phí huấn luyện vệ sinh lao động
23	Công ty Than Núi Hồng VVMI - CN Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Công ty trong cùng Tổng công ty	0100100015-001	Xóm Cây Thị, Yên Lãng, Đại Từ, Thái Nguyên	Năm 2024		19.634.800	Chi phí nghỉ mát
24	CN Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam- Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin	Công ty trong cùng tập đoàn	5700100256-068	số 25 ngõ 46 An Hòa - Mỗ Lao - Hà Đông - Hà Nội	Năm 2024		26.166.000	Chi phí đào tạo
25	Công ty CP Than Hà Lầm - Vinacomin	Công ty trong	5700101637	Số 1, Phố Tân Lập, phường Hà	Năm 2024		1.388.889	Chi phí mua hồ sơ thầu

		cùng tập đoàn		Lầm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh				

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành: Không có

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành: Không có

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Năm 2024)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH*	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
I	**Nguyễn Văn Dũng**		**Chủ tịch HĐQT**					
1	Nguyễn Văn Xuyến							Bố đẻ
2	Nguyễn Thị Trường					0	0%	Mẹ đẻ
3	Ngô Thị Minh Hường					0	0%	Vợ
4	Nguyễn Thanh Ngân					0	0%	Con đẻ
5	Nguyễn Thanh Hà					0	0%	Con đẻ
6	Ngô Hải Long					2 333	0,187	Con rể
7	Nguyễn Thị Yến					0	0%	Chị ruột

8	Nguyễn Hồng Ninh					0	0%	Anh rể
9	Nguyễn Thị Yên					0	0%	Chị ruột
10	Kim Ngọc Hải					0	0%	Anh rể
11	Nguyễn Văn Hùng					0	0%	Em ruột
12	Bùi Thị Hạnh Hiền					0	0%	Em dâu
13	Ngô Xuân Thủy					0		Bố vợ
14	Nguyễn Thị An					0	0%	Mẹ vợ
15	Ngô Xuân Hùng					0	0%	Anh vợ
16	Ngô Trí Dũng					0	0%	Anh vợ
17	Ngô Mạnh Thắng					0	0%	Em vợ
18	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP					637 507	51%	Tổ chức có liên quan đến ông Nguyễn Văn Dũng – Người đại diện phần vốn của Tổng công ty
19	Công ty cổ phần xi măng Quán triều - VVMI					0	0	Ông Nguyễn Văn Dũng làm Chủ tịch HĐQT
20	Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI					0	0	Ông Nguyễn Văn Dũng làm Chủ tịch HĐQT
II	**Phạm Đức Khiêm**		**Thành viên HĐQT, Giám đốc**			**257 455**	**20,596%**	
1	Lê Thị The					0	0%	Mẹ đẻ
2	Vương Thị Kiều Oanh					0	0%	Vợ
3	Phạm Khánh Linh					19 334	1,547	Con đẻ
4	Phạm Minh Đức					0	0%	Con đẻ
5	Phạm Hồng Khanh					0	0%	Anh ruột
6	Phạm Đức Kha					0	0%	Anh ruột
7	Phạm Thị Yến					1 667	0,133	Em ruột
8	Phạm Đức Khoa					0	0%	Em ruột

9	Phạm Thị Vân					0	0%	Em ruột
10	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP					637 507	51%	Tổ chức có liên quan đến ông Phạm Đức KHiêm – Người đại diện phần vốn của Tổng công ty
III	**Ngô Minh Vinh**		**TV HĐQT, Phó Giám đốc**			**1 000**	**0;08**	
1	Ngô Minh Vụ					0	0%	Anh ruột
2	Ngô Minh Tâm					0	0%	Em ruột
3	Nguyễn Thị Nga					0	0%	Vợ
4	Ngô Hải Long					2 333	0,187	Con đẻ
5	Ngô Thị Hồng Hạnh					0	0%	Con đẻ
6	Nguyễn Thanh Ngân						0%	Con dâu
IV	**Vương Khắc Tuấn**		**Phó Giám đốc**			**0**	0%	
1	Vương Khắc Minh					0	0%	Bố đẻ
2	Nguyễn Thị Hà					0	0%	Mẹ đẻ
3	Nguyễn Thị Vân Hà					0	0%	Vợ
4	Vương Diệp Anh					0	0%	Con ruột
5	Vương Bảo Anh					0	0%	Con ruột
6	Vương Thị Thanh Hoa					0	0%	Em ruột
7	Vương Thị Tuyết Lan					0	0%	Em ruột
V	**Trần Thu Hương**		**Trưởng BKS**			0	0%	
1	Lê Thị Cúc					0	0%	Mẹ đẻ
2	Trần Đình Diệm						0%	Bố đẻ
3	Trần Đình Diên					0	0%	Em ruột
4	Trần Minh Đức					0	0%	Chồng

5	Trần Ngọc Phương Linh					0	0%	Con
6	Trần Thị Bảo mai					0	0%	Con
7	Trần Chuyển					0	0%	Bố chồng
8	Bùi Thị Đan						0%	Mẹ chồng
9	Nguyễn Thị Thu Trang					0	0%	Em dâu
10	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP					637 507	51%	Tổ chức có liên quan đến Bà Trần Thu Hương – Người đại diện phần vốn của Tổng công ty
VI	**Phạm Thị Thúy Nga**		**Thành viên BKS**			**0**	0%	
1	Phạm Văn Dũng					0	0%	Bố đẻ
2	Phạm Thị Thúy Ngân					0	0%	Em ruột
3	Trương Xuân Thủy					0	0%	Em rể
4	Phạm Huy Hoàng					0	0%	Em ruột
5	Phạm Thị Hương					0	0%	Em dâu
6	Lương Văn Sỹ					0	0%	Chồng
7	Lương Lan Phương					0	0%	Con ruột
8	Lương Gia Linh					0	0%	Con ruột
9	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP					637 507	51%	Tổ chức có liên quan đến Bà Trần Thu Hương – Người đại diện phần vốn của Tổng công ty
VII	**Tô Toàn Thắng**		**Thành viên BKS**			**9 958**	**0,796**	
1	Tô Quang Huy						0%	Bố đẻ
2	Tô Thị Oanh					0	0%	Chị ruột
3	Tô Thanh Hải					0	0%	Anh ruột

4	Tô Thị Lương					0	0%	Chị ruột
5	Tô Hồng Đức					0	0%	Anh ruột
6	Tô Hồng Quân					0	0%	Anh ruột
7	Đặng Thị Hảo					0	0%	Vợ
8	Tô Quỳnh Anh					0	0%	Con ruột
VII	**Bùi Phương Anh**		**KTT Công ty**			**7 917**	**0,633**	
1	Nguyễn Thị Thêm					0	0%	Mẹ đẻ
2	Bùi Hải Phương					0	0%	Chị ruột
3	Nguyễn Anh Tuấn					0	0%	Chồng
4	Nguyễn Phương Mai					0	0%	Con ruột
5	Nguyễn Phương Trang					0	0%	Con ruột
VIII	**Lê Thị Kim Chi**		**Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký**			**1 667**	**0,133**	
1	Trần Duy Dũng					0	0%	Chồng
2	Trần Lê Khanh					0	0%	Con đẻ
3	Trần Lê Vy					0	0%	Con đẻ
4	Trần Duy Anh					0	0%	Con đẻ
5	Lê Anh thư					0	0%	Bố đẻ
6	Đỗ Thị Vịnh					0	0%	Mẹ đẻ
7	Lê Thu Trang					0	0%	Chị ruột
8	Lê Minh Từ					0	0%	Chị ruột
9	Lê Thị Minh					0	0%	Chị ruột
10	Lê Thị Phương Chi					0	0%	Em ruột
11	Lê Anh Quân					0	0%	Em ruột
12	Lê Quý Dân					0	0%	Em ruột

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không có

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác

Nơi nhận:

- Sở GDCK HN; Ủy ban CK NN;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Website Công ty;
- Lưu VT, HĐQT(Ch)

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

M.S.D.N: 0101854047 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ VVMI - H. ĐÔNG ANH - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Văn Dũng